

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH



- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên gọi tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên tiếng Anh: **VIET THANH SECURITIES COMPANY**
- Tên viết tắt: **VTs**
- Địa chỉ: **Lầu 12, Số 8 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Q1, HCM**
- Điện thoại: **(84.8) 3914 7799** Hotline: **(84.8) 3821 8686**
- Fax: **(84.8) 3914 4511**
- Email: vts@vts.com.vn
- Website: www.vts.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật: **Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên** Chức danh: **Chủ tịch HĐQT**
- Người công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên** Chức danh: **Tổng Giám đốc**
Email dùng để công bố thông tin: vts@vts.com.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: **84/UBCK-GPHĐKD** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/03/2008.
- Nghiệp vụ kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Các dịch vụ tư vấn được pháp luật cho phép khác.
- Mã số thuế: **0305544188**
- Vốn điều lệ (đến 31/12/2015): **70.000.000.000 đồng** (Bảy mươi tỷ đồng).

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Quá trình hình thành và phát triển	4
2. Các lĩnh vực hoạt động của VTS	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	6
5. Rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	11
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2. Tình hình tài chính	12
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	12
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	14
1. Hội đồng quản trị	14
2. Ban kiểm soát	14
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	15
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	15
5. Giao dịch với cổ đông nội bộ	16
6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	16
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2015	16

I. THÔNG TIN CHUNG

1. *Quá trình hình thành và phát triển*

1.1 Quá trình thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (Viet Thanh Securities Company - VTS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 84/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/03/2008. Với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng, VTS cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn chứng khoán cho các tổ chức và nhà đầu tư cá nhân chiến lược trong và ngoài nước.

1.2 Các sự kiện quan trọng:

- Ngày 16/05/2008, VTS là thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với số đăng ký 089.
- Ngày 24/09/2008 Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HSX) có quyết định chính thức công nhận tư cách thành viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành.
- Ngày 30/09/2008 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (số 45-47 Bến Chương Dương, Q. 1, Tp. HCM) diễn ra “Lễ trao quyết định và công nhận tư cách thành viên và chào mừng ngày giao dịch chính thức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành - VTS”.
- Ngày 20/02/2009, VTS là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 59/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.
- Ngày 03/06/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 227/QĐ-TTGDHN chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 04/09/2009, VTS chính thức triển khai hệ thống giao dịch trên thị trường UPCoM căn cứ theo Quyết định số 504/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Hệ thống đăng ký giao dịch UPCoM.
- Tháng 02/2010, VTS đã kết nối thành công giao dịch trực tuyến qua internet với HSX và được công nhận là thành viên giao dịch trực tuyến qua internet của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM ngày 04/03/2010.
- Năm 2010, VTS kết nối thành công giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 396/QĐ-SGDHN.
- Ngày 15/12/2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ Giao dịch Chứng khoán Trực tuyến cho VTS theo Quyết định 1059/QĐ-UBCK.

- VTS thay đổi trụ sở chính sang địa điểm: Lầu 12, Tòa nhà VTP, số 08 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM theo giấy phép điều chỉnh của UBCK số 14/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 04 năm 2013.
- Ngày 25/09/2015, Nâng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 đồng (bảy mươi tỷ đồng)

2. Các lĩnh vực hoạt động của VTS

2.1 Ngành nghề kinh doanh

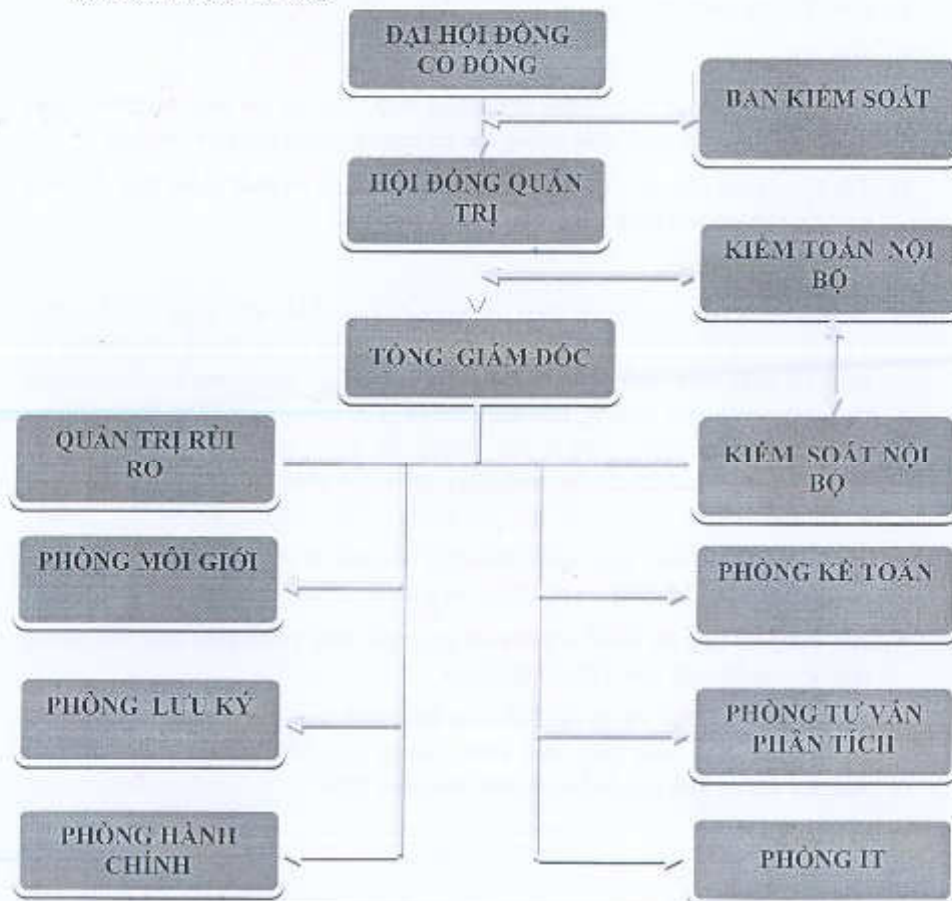
- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

2.2 Địa bàn kinh doanh

- Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Cơ cấu tổ chức VTS



• **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Ngọc Tranh: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Mai Thành Chương: Thành viên Hội đồng quản trị

• **BAN ĐIỀU HÀNH**

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: Tổng Giám đốc

• **BAN KIỂM SOÁT**

- Bà Phạm Nguyễn Hồng Phương: Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lý Thụy Quế Trân: Thành viên ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Thành Đạt: Thành viên ban kiểm soát

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu

- Tối đa hóa giá trị cổ đông, niềm tự hào của nhân viên, sự hài lòng của khách hàng và đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tập trung cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tài chính tốt nhất nhằm đem đến hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng VTS.

4.2 Chiến lược phát triển

- Năm 2016, TTCK Việt Nam được dự báo một năm nhiều khó khăn và biến động. Tuy vậy, kinh tế mô ổn định theo hướng tích cực, hệ thống doanh nghiệp tiếp tục được cải thiện, bên cạnh đó Bộ Tài chính cũng như Ủy ban chứng khoán nhà nước tăng cường công tác quản lý, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý thị trường chứng khoán và đưa ra khung pháp lý cho những sản phẩm mới. Vì vậy, xét tình hình chung, thị trường chứng khoán năm 2016 nhiều khả năng tiếp tục tăng trưởng theo xu hướng dài hạn.
- VTS định hướng xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm chuyên nghiệp.
- Xây dựng hạ tầng tài chính – thông tin kỹ thuật vững mạnh giúp đảm bảo cho sự tăng trưởng ổn định của VTS trong ngành.
- Nhiệm vụ trọng tâm vẫn là củng cố hoạt động kinh doanh dựa vào mảng Môi giới và Tư vấn đầu tư trong năm 2016. Phát triển và cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư tài chính tốt nhất cho khách hàng của VTS.

5. Rủi ro

5.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản mà VTS đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Sự thay đổi của tỷ giá, biến động lãi suất và sức khỏe nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên tài sản của Công ty. Do đó để hạn chế rủi ro thị trường, VTS thường xuyên theo dõi và đánh giá tình hình biến động của nền kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế trong và ngoài nước, phân tích SWOT...

5.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn.

5.3 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác, khách hàng không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

5.4 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

5.5 Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. VTS đã thành lập bộ phận quản trị rủi ro, ban hành chính sách rủi ro và quy trình quản trị rủi ro để phát hiện và khắc phục kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Với sự đoàn kết nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, trong năm 2015 hoạt động môi giới của công ty tăng hơn 97%, đóng góp phần lớn vào mức tăng doanh thu của công ty. Đi kèm với việc tăng doanh thu, công ty đã thực hiện tiết giảm các khoản chi phí không cần thiết. Nhờ những nỗ lực trên lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2015 tăng hơn 700%, đạt 4,2 tỷ đồng.

Chỉ tiêu (VNĐ)	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Thực hiện 2015 so với kế hoạch	Thực hiện 2015 so với 2014
Doanh thu thuần	9.661.345.911		18.632.300.123		193%
Doanh thu Môi giới	8.731.404.231	8.000.000.000	17.216.062.814	215%	197%
Doanh thu Tư vấn					
Doanh thu khác	929.941.680	1.000.000.000	1.416.237.309	142%	152%
Lợi nhuận gộp	7.101.664.691		13.095.571.774		184%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Lợi nhuận trước thuế	644.872.978	700.000.000	5.398.838.274	771%	837%
Lợi nhuận sau thuế	522.697.045		4.222.624.041		808%

Nguyên nhân biến động: Doanh thu Môi giới năm 2015 tăng 115% so với kế hoạch doanh thu môi giới năm 2015 và 97% so với thực hiện năm 2014. Doanh thu khác năm 2015 tăng 42% so với kế hoạch doanh thu khác năm 2015 và 52% so với thực hiện năm 2014 là nguyên nhân chính làm lợi nhuận trước thuế năm 2015 vượt kế hoạch 671% và vượt 737% so với năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN: TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1981

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam.

Số chứng minh nhân dân: 025941659, ngày cấp: 05/03/2015, nơi cấp: CA. TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3V10-02 Khu phố Sky Garden 3-R1-3 Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện tại: 3V10-02 Khu phố Sky Garden 3-R1-3 Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Nghề nghiệp: Tài chính – ngân hàng

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2003 - 2005	Công ty Sản xuất và xuất nhập khẩu Bình Dương	Bộ phận tài chính
2006 - 2012	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Việt Thành	Giám đốc điều hành
2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	Tổng giám đốc

BÀ NGUYỄN THỊ ĐÀO DIỄM: KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 06/10/1978

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng minh nhân dân: 301129939 ngày cấp: 08/08/2015 nơi cấp: CA Tỉnh Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 234 Thủ Khoa Huân, Phường 1, TP Tân An, Tỉnh Long An

Chỗ ở hiện tại: 129/3/22D Hoàng Văn Thụ, P8, Quận Phú Nhuận, TPHCM.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Nghề nghiệp: Kế toán – Kiểm toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
Từ tháng 05/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Thành	Trưởng BP kiểm soát/ Kế toán trưởng
Từ tháng 03/2010 đến tháng 04/2013	Công Ty TNHH MVN Việt Nam	Kế toán trưởng
Từ tháng 02/2006 đến tháng 02/2010	Công Ty TNHH Losco Việt Nam	Kế toán tổng hợp/Kế toán trưởng
Từ tháng 12/2001 đến tháng 01/2006	Công Ty Dược Phẩm Bình Minh	Nhân viên kế toán

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên: 20 người

2.4 Tóm tắt chính sách:

- **Về tiền lương**

Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của Công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

- **Về chính sách đào tạo**

Công ty thực hiện chế độ đào tạo cho CBCNV về chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Bên cạnh đó, hỗ trợ chi phí đào tạo chuyên môn, nâng cao năng lực của nhân viên trong từng bộ phận.

- **Về chế độ làm việc**

Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 08 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ Tết, ốm, thai sản tuân theo đúng quy định của Luật lao động.

- **Về chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội**

Tất cả nhân viên chính thức của VTS được hưởng các chế độ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp Luật lao động. Ngoài ra, tùy các lĩnh vực mà nhân viên VTS còn nhận được các phụ cấp khác như: phụ cấp chuyên môn, phụ cấp công việc...

- **Về phúc lợi:**

Chính sách khen thưởng cho nhân viên VTS được dựa trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng trong công việc của từng cá nhân.

Theo quy định chung, VTS có các chế độ cơ bản như: lương tháng 13, lương hoàn thành công việc, khen thưởng cho cá nhân xuất sắc, thưởng trong các dịp lễ Tết...

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty không thực hiện khoản đầu tư lớn nào

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	115.755.601.872	80.100.787.050	-30,8%
Doanh thu thuần	9.681.345.911	18.632.300.123	92,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	611.503.958	5.498.472.896	799,2%
Lợi nhuận khác	33.369.020	(99.634.622)	-298,6%
Lợi nhuận trước thuế	644.872.978	5.398.838.274	637,3%
Lợi nhuận sau thuế	522.697.045	4.222.624.041	607,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,41	15,2	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1,41	15,2	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,06	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,2	0,07	
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,4%	22,7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,5%	5,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,5%	5,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,3%	29,5%	
<i>4. Chỉ tiêu an toàn tài chính</i>			
+ Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	-	
+ Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.820.000.000	2.100.000.000	
+ Tổng giá trị rủi ro hoạt động	14.000.000.000	7.000.000.000	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

+ Tổng giá trị rủi ro:	16.820.000.000	9.100.000.000	
+ Vốn khả dụng	71.293.657.639	32.832.064.406	
+ Tỷ lệ vốn khả dụng	423,86%	360,79%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 7.000.000 cp

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu thường

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.000.000 cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cp.

b) Cơ cấu cổ đông; phân theo các tiêu chí

Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn: 95,1% và cổ đông nhỏ: 4,9%;

Cổ đông tổ chức: 14,8% và cổ đông cá nhân: 85,2%;

Cổ đông trong nước: 100% và cổ đông nước ngoài: 0%;

Cổ đông nhà nước: 0% và các cổ đông khác: 100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm công ty thực hiện 1 đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 3.500.000 cp, nâng tổng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VNĐ lên 70.000.000.000 VNĐ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: công ty không bị xử phạt về luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 20 người, mức lương trung bình đối với người lao động đạt gần 12 triệu đồng/nhân viên.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn tuân thủ quy định về giờ làm việc theo luật lao động, nhân viên được nghỉ 1 tiếng buổi trưa, thứ bảy, chủ nhật và có 12 ngày phép/năm.

- Công ty có chính sách khuyến khích người lao động bằng những khoản tiền thưởng theo năng lực, lương tháng 13, tiền thưởng lễ, tết và phụ cấp tiền ăn, tiền đi lại.

- Hằng năm, công ty còn tổ chức 1-2 chuyến du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết và giúp nhân viên xua tan mệt nhọc trong công việc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: công ty có chính sách tạm ứng học phí cho nhân viên học những khóa học yêu thích, ngoài ra, công ty còn sắp xếp thời gian phù hợp để nhân viên có thể tham dự những buổi hội thảo do Sở giao dịch và cơ quan ban ngành tổ chức.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu:

Doanh thu từ hoạt động môi giới năm 2015 tăng 97% so với năm 2014, đạt 17.216.062.814 đồng; doanh thu khác đạt 868.828.019 đồng, tăng 52% và không có doanh thu từ hoạt động Tư vấn.

Chi phí:

Chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2015 tăng 116% so với năm 2014 tương ứng 5.536.728.349 đồng.

2. Tình hình tài chính

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015, tình hình tài chính của Công ty được ghi nhận như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2015</i>
Tổng tài sản	115.755.601.872	80.100.787.050
Tài sản ngắn hạn	112.731.124.882	76.399.272.584
Tài sản dài hạn	3.024.476.990	3.701.514.466
Tổng nguồn vốn	115.755.601.872	80.100.787.050
Tổng nợ phải trả	79.899.060.476	5.025.021.613
Vốn chủ sở hữu	35.856.541.396	75.075.765.437
Doanh thu thuần	18.632.300.123	9.661.345.911
Doanh thu môi giới	17.216.062.814	8.731.404.231
Doanh thu tư vấn		
Doanh thu khác	1.416.237.309	929.941.680
Lợi nhuận gộp	13.095.571.774	7.101.664.691
Lợi nhuận trước thuế	5.398.838.274	644.872.978
Lợi nhuận sau thuế	4.222.624.041	522.697.045

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2015, công ty đã đầu tư nhiều vào hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kế toán, phần mềm đặt lệnh IPT Front Office Solution nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty theo kế hoạch phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Hoàn thành các quy chế, quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội mở rộng thị phần ngoài Hà Nội bằng việc mở chi nhánh công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với những nỗ lực của Chính phủ, Bộ (tài chính cũng như Ủy ban Chứng khoán nhà nước trong việc tái cấu trúc Thị trường chứng khoán, cộng với những tín hiệu hồi phục tích cực của nền kinh tế đã làm cho Thị trường Chứng khoán có một năm 2015 sôi động. Điều này đã góp phần giúp Công ty vượt xa kế hoạch đề ra, Doanh thu thuần năm 2015 của VTS đạt 18,6 tỷ đồng, trong đó doanh thu Môi giới tăng 97% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 4,2 tỷ đồng.

Trong năm, Hội đồng quản trị tổ chức họp 09 lần, chi tiết như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 /NQHDQT	20/01/2015	Đánh giá hoạt động năm 2014, định hướng hoạt động cho năm 2015
2	02 /NQHDQT/2015	03/04/2015	Thông qua nội dung trình Đại hội cổ đông (ĐHCD) thường niên năm 2015
3	05/NQ-HDQT/VTS/2015	07/07/2015	Thông qua nội dung trình ĐHCĐ về tăng vốn điều lệ và ủy quyền HDQT thực hiện các thủ tục liên quan.
4	09/ NQ-HDQT/2015	22/09/2015	Thông qua nội dung trình ĐHCĐ về thay đổi Chủ tịch HDQT, Thành viên HDQT, Trưởng BKS và hủy bỏ việc đi dòi trụ sở chính công ty.
5	12/2015/HDQT	28/09/2015	Thay đổi nhân sự đảm nhiệm chức vụ Quản trị rủi ro.
6	09 /QĐ-HDQT/2015	05/10/2015	Chấp thuận thay đổi Chủ tịch và Thành viên HDQT
7	10 /QĐ-HDQT/2015	14/10/2015	Thay đổi Kế toán trưởng
8	10/ NQ-HDQT/2015	13/11/2015	Thông qua nội dung trình ĐHCĐ về thay đổi Thành viên Ban kiểm soát

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Kế hoạch của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty theo kế hoạch phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Chỉ đạo, giám sát kịp thời đối với Ban Giám đốc để đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện đầy đủ và chính xác.
- Phát triển chính sách lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Việt Thành bao gồm 03 thành viên (01 Chủ tịch và 02 thành viên)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Thanh Trúc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05/10/2015
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/10/2015
Ông Trần Văn Hữu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2015
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2015
Ông Mai Thanh Trường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05/10/2015
Ông Mai Thành Chương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/12/2010

Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Kiểm toán nội bộ

Hoạt động chủ yếu trong năm 2015 của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị chủ trì các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong năm.
- Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt các báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý, bán niên, báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động tháng, phương án kinh doanh của Tổng Giám đốc.
- Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Tổng Giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình nghiệp vụ.

2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Đào Diễm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05/10/2015
Bà Phạm Nguyễn Hồng Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/10/2015
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/11/2015
Bà Lý Thụy Quế Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/10/2015
Ông Nguyễn Thành Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/11/2015

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành hiện tại gồm 03 thành viên (01 trưởng ban và 02 thành viên). Trong năm 2015, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông Công ty thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiến nghị và điều chỉnh với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty.

Số lượng cuộc họp trong năm 2015: 03 lần

Mục đích: Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty.

Công việc cụ thể:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

- Kiểm tra báo cáo tài chính quý trong năm 2015, báo cáo tài chính bán niên 2015, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu 6 tháng 2015, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2015 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo.
 - Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp của Ban Giám đốc với các bộ phận nghiệp vụ để đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; kiểm tra, đánh giá quy trình làm việc của các bộ phận về việc tuân thủ quy trình.
 - Phối hợp với bộ phận quản trị rủi ro để kiểm tra và xử lý các rủi ro có thể phát sinh.
 - Đánh giá, kiến nghị kịp thời tới Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi ích cổ đông.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát: không phát sinh.
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Cẩm Viên	Cổ đông nội bộ/ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	700.000	20%	2.975.000	42,5%	Mua phát hành thêm và nhận chuyển nhượng
2	Nguyễn Ngọc Tranh	Cổ đông nội bộ/ Thành viên HĐQT	35.000	1%	381.000	5,5%	Đầu tư tăng vốn điều lệ
3	CTCP Đầu tư Lâm Viên	Ông Nguyễn Ngọc Tranh- Thành viên HĐQT là Tổng Giám Đốc	0	0%	550.000	7.8%	Nhận chuyển nhượng và Đầu tư tăng vốn điều lệ
4	CTCP Đầu tư Việt Thành	Ông Mai Thành Chương- Thành viên HĐQT là Tổng Giám Đốc	245.000	7%	490.000	7%	Đầu tư tăng vốn điều lệ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

5	Phạm Nguyễn Hồng Phương	Cổ đông nội bộ/ Trưởng Ban kiểm soát	0	0%	545.000	7,8%	Đầu tư góp vốn
6	Nguyễn Thị Đào Diễm	Cổ đông nội bộ/ Kế toán trưởng	0	0%	399.000	5,7%	Đầu tư góp vốn
7	Mai Thanh Trúc	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	1.575.000	45%	0	0%	Tài chính cá nhân
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	175.000	5%	0	0%	Thoái vốn
9	Hồ Trần Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm)	0	0%	545000	7,8%	Đầu tư góp vốn

5. Giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh trong năm 2015

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Từ thực tế công tác quản lý 2015, Công ty đã tuân thủ tốt các yêu cầu pháp luật, quy trình nghiệp vụ và minh bạch.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**



**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	i
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	16 - 29

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	16 - 29

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/BCX - GPDKKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 42/GPDK-UBCK ngày 23 tháng 9 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VND lên 70.000.000.000 VND.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 8 Nguyễn Huệ, Lầu 12, Tòa nhà Vạn Thịnh Phát, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84 - 8) 29 147 799
- Fax: (84 - 8) 29 144 511

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Thanh Trúc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Trần Văn Hữu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015
Ông Mai Thanh Trường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Mai Thanh Chương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Đào Diễm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Bà Phạm Nguyễn Hồng Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2015
Bà Lý Thụy Quế Trán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Đạt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2015).

Đại diện theo pháp luật

Từ ngày 03 tháng 4 năm 2015 đến thời điểm lập báo cáo này, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên - Tổng Giám đốc.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kê toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

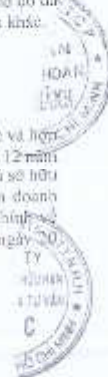
Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 62/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



Headquarters: 07 Trưng Bội St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84-8) 3.547.9972 - Fax: (84-8) 3.547.9988
Branch in Hanoi: 40 Quang Văn St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ: 15-15 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.aec.com.vn

Số: 0302/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm tra Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành, được lập ngày 05 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các ước tính kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 163/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2015

Đơn vị tính:
VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76,399,272,584	112,731,124,882
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	76,102,647,511	112,523,664,505
1.	Tiền	111		29,102,647,511	77,523,664,505
2.	Các khoản tương đương tiền	112		47,000,000,000	35,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216,031,741	166,670,971
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	49,271,870	23,075,064
2.	Trả trước cho người bán	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.4	166,759,871	143,595,907
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		80,593,332	40,789,406
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	80,593,332	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.13	-	40,789,406
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,701,514,466	3,024,476,990
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	1,019,870,230	1,013,749,039
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6 453,575,075	681,249,038
	<i>Nguyên giá</i>	222	3,222,136,731	3,222,136,731
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(2,768,561,656)	(2,540,887,693)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7 262,500,005	332,500,001
	<i>Nguyên giá</i>	228	2,566,646,000	2,566,646,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(2,304,145,995)	(2,234,145,999)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8 303,795,150	-
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241	-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	-	-
	<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254	-	-
	<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255	-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	2,681,644,236	2,010,727,951
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9 100,634,698	18,703,369
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10 2,229,836,610	1,687,323,154
4.	Tài sản dài hạn khác	268	V.11 351,172,928	304,701,428
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	80,100,787,050	115,755,601,872

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		5,025,021,613	79,899,060,476
I.	Nợ ngắn hạn	310		5,025,021,613	79,899,060,476
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312	V.12	444,661,990	738,258,190
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	376,007,230	768,059,474
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	432,724,642	1,649,726,016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

7.	Phải trả nội bộ	317	-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15 82,969,233	23,501,680
10.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16 3,688,636,518	76,719,515,116
11.	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	22,000	-
12.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	-	-
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	-	-
16.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	329	-	-
II.	Nợ dài hạn	330	-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
10.	Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75,075,765,437	35,856,541,396
1.	Vốn chủ sở hữu	410	75,075,765,437	35,856,541,396
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17 70,000,000,000	35,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính và bổ sung vốn điều lệ	418	-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.17 5,075,765,437	856,541,396
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	80,100,787,050	115,755,601,872

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3.	Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005		-	-
6.	Chứng khoán lưu ký	006		114,775,821	56,997,811
	Trong đó:				
6.1	<i>Chứng khoán giao dịch</i>	007		40,248,266	29,884,231
6.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-	-
6.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		40,189,685	29,869,368
6.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		58,581	14,863
6.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2	<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		9,860,000	100,000
6.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		9,860,000	100,000
6.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		-	-
6.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3	<i>Chứng khoán cầm cố</i>	017		28,818,480	25,300,650
6.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		28,818,480	25,300,650
6.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4	<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	022		-	-
6.4.1	Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4	Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

6.5	Chứng khoán chờ thanh toán	027	148,610	1,712,930
6.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	148,610	1,712,930
6.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4	Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7	Chứng khoán chờ giao dịch	037	35,700,465	-
6.7.1	Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	35,700,465	-
6.7.3	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4	Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043	-	-
6.8.2	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	-
6.8.3	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045	-	-
6.8.4	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
6.9	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	475,455	44,652
	Trong đó:			
7.1	Chứng khoán giao dịch	051	475,455	44,652
7.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	475,455	44,652
7.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của	058	-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	khách hàng trong nước			
7.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059	-	-
7.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3	Chứng khoán cầm cố	062	-	-
7.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065	-	-
7.4	Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1	Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4	Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5	Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4	Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10.	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18,632,300,123	9,661,345,911
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		17,216,062,814	8,731,404,231
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		547,409,290	274,792,699
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu tư	01.7		-	-
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		868,828,019	655,148,981
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	18,632,300,123	9,661,345,911
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	5,536,728,349	2,559,681,220
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,095,571,774	7,101,664,691
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	VI.3	7,597,098,878	6,490,160,733
7.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,498,472,896	611,503,958
8.	Thu nhập khác	31		365,378	50,369,020
9.	Chi phí khác	32		100,000,000	17,000,000
10.	Lợi nhuận khác	40		(99,634,622)	33,369,020
11.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,398,838,274	644,872,978
12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1,176,214,233	122,175,933
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,222,624,041	522,697,045
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	933	149

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,398,838,274	644,872,978
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6, 7	297,673,959	506,950,958
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5,696,512,233	1,151,823,936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(551,084,820)	(32,771,336)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(74,962,973,129)	56,563,752,258
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(162,524,661)	69,483,485
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(1,090,679,967)	(22,112,610)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(46,471,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71,117,221,844)	57,733,175,733
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(303,795,150)	(350,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<u><i>(303,795,150)</i></u>	<u><i>(350,000,000)</i></u>
--	-----------	-----------------------------	-----------------------------

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2015
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp
theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.17	35,000,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>35,000,000,000</i></u>	<u><i>-</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<u><i>(36,421,016,994)</i></u>	<u><i>57,383,175,733</i></u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<u><i>112,523,664,505</i></u>	<u><i>55,140,488,772</i></u>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<u><i>-</i></u>	<u><i>-</i></u>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>76,102,647,511</i></u>	<u><i>112,523,664,505</i></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 20 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính, Thông tư số 206/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Các quy định của thông tư này sẽ được áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở đi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai phần mềm và lắp đặt thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Chi phí dịch vụ

Chi phí dịch vụ cước mạng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.842.079.153	767.915.166
Tiền gửi ngân hàng ^(*)	20.260.568.358	76.755.749.339
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	47.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	76.102.647.511	112.523.664.505

- ^(*) Trong đó, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.740.463.966 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 76.720.778.887 VND).

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	
Của công ty chứng khoán	-	-	
Của người đầu tư	574.201.810	11.874.313.643.000	
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	574.201.810	11.874.313.643.000	
Trái phiếu	-	-	
Chứng khoán khác	-	-	
Cộng	574.201.810	11.874.313.643.000	
3. Phải thu khách hàng			
Phải thu phí lưu ký chứng khoán và chuyển khoản tháng 12.			
4. Các khoản phải thu khác			
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	136.444.444	143.450.000	
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	14.054.618	-	
Các khoản phải thu khác	16.260.809	145.907	
Cộng	166.759.871	143.595.907	
5. Chi phí trả trước ngắn hạn			
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng.			
6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình			
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.498.176.224	1.723.960.507	3.222.136.731
Số cuối năm	1.498.176.224	1.723.960.507	3.222.136.731
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.692.960.648	1.692.960.648
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	873.936.112	1.666.951.581	2.540.887.693
Khấu hao trong năm	187.272.024	40.401.939	227.673.963
Số cuối năm	1.061.208.136	1.707.353.520	2.768.561.656
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	624.240.112	57.008.926	681.249.038
Số cuối năm	436.968.088	16.606.987	453.575.075
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-
7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.566.646.000	2.234.145.999	332.500.001
Khấu hao trong năm		69.999.996	
Số cuối năm	2.566.646.000	2.304.145.995	262.500.005

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Phần mềm hệ thống	-	219.000.000	219.000.000
Thiết bị máy tính	-	84.795.150	84.795.150
Cộng	-	303.795.150	303.795.150

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	15.770.030	109.835.000	(33.770.332)	91.834.698
Chi phí dịch vụ	2.933.339	26.400.000	(20.533.339)	8.800.000
Cộng	18.703.369	136.235.000	(54.303.671)	100.634.698

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.687.323.154	1.585.503.221
Tiền nộp bổ sung	420.051.745	10.284.152
Tiền lãi	122.461.711	91.535.781
Số cuối năm	2.229.836.610	1.687.323.154

11. Tài sản dài hạn khác
Ký quỹ thuê văn phòng.

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần phát triển phần mềm chứng khoán Việt Nam	157.500.000	157.500.000
Công ty TNHH một thành viên giải pháp công nghệ Phúc Khang	125.000.000	175.000.000
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	140.285.076	-
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành	-	360.000.000
Các nhà cung cấp dịch vụ khác	21.876.914	45.758.190
Cộng	444.661.990	738.258.190

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.116.140	2.972.242	(4.296.133)	792.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(40.789.406)	1.179.614.233	(1.090.679.967)	48.144.860

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	765.943.334	2.031.450.716	(2.470.323.929)	327.070.121
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	727.270.068	3.217.037.191	(3.568.300.029)	376.007.230

- (*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước là 4.300.000 VND, được hạch toán vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ môi giới chứng khoán: Không chịu thuế
- Dịch vụ khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.398.838.274	644.872.978
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	482.232.890	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.881.071.164	644.872.978
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(33.993.314)
Thu nhập tính thuế	5.881.071.164	610.879.664
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.176.214.233	122.175.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	3.400.000	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.179.614.233	122.175.933

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí giao dịch sản	-	193.992.718
Chi phí lãi vay	158.666.665	158.666.667
Phí hoa hồng môi giới chứng khoán	1.974.644	1.061.830.833
Lương tháng 13	217.083.333	172.000.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	55.000.000	63.235.798
Cộng	432.724.642	1.649.726.016

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	21.308.880
Phí giao dịch phải trả nhà đầu tư	37.493.826	-
Phải trả khác	45.475.407	2.192.800
Cộng	82.969.233	23.501.680

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.137.088.000	59.529.554.000
Nhận ký quỹ giao dịch của nhà đầu tư	1.551.548.518	17.189.961.116
- Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành	551.747.701	-
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Thành	418.960.316	-
- Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	-	16.948.795.220
- Các nhà đầu tư khác	580.840.501	241.165.896
Cộng	3.688.636.518	76.719.515.116

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	333.844.351	35.333.844.351
Lợi nhuận trong năm trước	-	522.697.045	522.697.045
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	856.541.396	35.856.541.396
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	856.541.396	35.856.541.396
Phát hành cổ phiếu	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	4.222.624.041	4.222.624.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	-	(3.400.000)	(3.400.000)
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	5.075.765.437	75.075.765.437

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Mai Thanh Trúc	-	15.750.000.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	29.750.000.000	7.000.000.000
Ông Mai Thanh Trường	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành	4.900.000.000	2.450.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Lâm Viên	5.500.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	3.810.000.000	350.000.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Phạm Nguyễn Hồng Phương	5.450.000.000	-
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	5.450.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Đào Diễm	3.990.000.000	-
Bà Dương Thị Khánh Chân	3.450.000.000	-
Công ty cổ phần Năm Bảy Bảy	-	1.750.000.000
Cộng	70.000.000.000	35.000.000.000

Trong năm, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 06/NQ-DHĐCĐ/VTS/2015 ngày 8 tháng 7 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông và Công ty cũng đã được cấp Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ này.

Ngoài ra, Ông Mai Thanh Trúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị trước đây đã chuyển nhượng toàn bộ 1.575.000 cổ phiếu cho Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	7.000.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới chứng khoán	17.216.062.814	8.731.404.231
Doanh thu lưu ký chứng khoán	547.409.290	274.792.699
Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay	839.287.424	622.074.467
Doanh thu khác	29.540.595	33.074.514
Cộng	18.632.300.123	9.661.345.911

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán của nhà	4.509.035.299	2.051.593.946

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
đầu tư		
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	530.728.099	340.766.249
Chi phí hoạt động khác	496.964.951	167.321.025
Cộng	5.536.728.349	2.559.681.220
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.854.370.746	2.488.514.116
Chi phí công cụ, dụng cụ	93.942.036	63.986.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	297.673.959	506.950.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.632.328.278	2.856.669.768
Chi phí khác	718.783.859	574.039.751
Cộng	7.597.098.878	6.490.160.733
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.222.624.041	522.697.045
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.222.624.041	522.697.045
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.526.027	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	933	149

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Ghi chú</u>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	3.400.000 Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước phải nộp bổ sung

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ thu phí giao dịch chứng khoán với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan là 1.623.551.471 VND (năm trước là 447.895.824 VND).

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty không còn số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	723.682.981	505.491.851
Bảo hiểm	15.614.240	16.146.345
Cộng	739.297.221	521.638.196

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành	Cổ đông góp vốn
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Lâm Viên	Cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành		
Phí giao dịch chứng khoán	2.495.768.869	1.315.806.931
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Lâm Viên		
Phí giao dịch chứng khoán	1.745.637.110	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành		
Phải thu phí lưu ký và chuyển khoản	2.894.965	-
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Lâm Viên		
Phải thu phí lưu ký và chuyển khoản	1.334.760	-
Cộng nợ phải thu	4.229.725	-
Công ty cổ phần đầu tư Việt Thành		
Nhận ký quỹ giao dịch của nhà đầu tư	551.747.701	-
Tiền thuê xe	-	360.000.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng nợ phải trả	551.747.701	360.000.000
2. Thuê hoạt động		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.412.936.436	1.218.805.711
Trên 01 năm đến 05 năm	1.530.681.139	2.539.178.565
Cộng	2.943.617.575	3.757.984.276

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.102.647.511	-	112.523.664.505	-	76.102.647.511	112.523.664.505
Phải thu khách hàng	49.271.870	-	23.075.064	-	49.271.870	23.075.064
Các khoản phải thu khác	2.733.714.791	-	2.135.620.489	-	2.733.714.791	2.135.620.489
Cộng	78.885.634.172	-	114.682.360.058	-	78.885.634.172	114.682.360.058

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	444.661.990	738.258.190	444.661.990	738.258.190
Các khoản phải trả khác	3.987.269.060	78.199.433.932	3.987.269.060	78.199.433.932
Cộng	4.431.931.050	78.937.692.122	4.431.931.050	78.937.692.122

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2016
CHỦ TỊCH HĐQT/TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN

